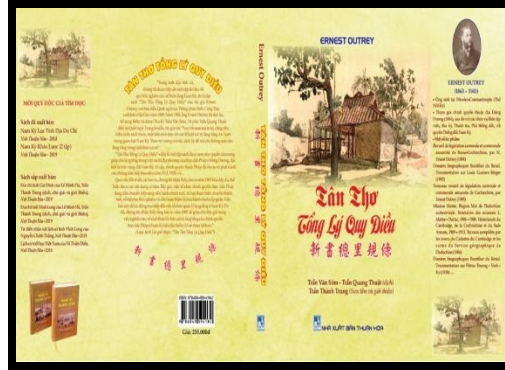


## TÂN THƠ TỔNG LÝ QUY ĐIỀU

Nguyễn Thanh Lợi

Tác giả của sách *Tân thơ tổng lý quy điều* là Ernest Outrey, quan Tham biện, sung Phủ lý quan Khâm mạng Nam Kỳ, biên soạn khoảng năm 1885, Kiều Công Thọ dịch ra quốc ngữ, xuất bản năm 1889 ở Sài Gòn. Một bản in khác bằng tiếng Pháp *Nouveau recueil de législation cantonale et communale Annamite de Conchinchine* (Sưu tập mới về luật lệ của việc cai trị tổng và làng ở Nam Kỳ), in tại Sài Gòn năm 1888. Năm 1905, Ernest Outrey đã soạn lại, bổ sung thêm *Tân thơ tổng lý quy điều*, Thư ký Trần Văn Sớm, Tri phủ Trần Quang Thuận dịch ra quốc ngữ, lần này có cả bản in tiếng Pháp. Năm 1913, quyển sách này được in lại và sửa chữa, bổ sung bởi Julien de Villeneuve, viên Tham biện hạng năm, Nguyễn Phước Hậu dịch ra quốc ngữ. Đến năm 1928, cũng Julien de Villeneuve, tiếp tục bổ sung cuốn sách theo luật của năm 1928.

Đây là cuốn cẩm nang giúp cho các quan cai trị địa phương trong việc quản trị làng xã ở Đông Dương, đặc biệt là Nam Kỳ thời Pháp thuộc. Sách chia làm 28 đoạn (chương), trình bày những quy định cụ thể của nhà nước về nhiều mặt: *Về việc cai trị trong tổng; Về việc cai trị trong làng; Thuế; Kẻ ở mướn; Về chợ búa; Về thủy lợi; Về việc cho vay làm màu; Sự vào sổ và sự thị chứng; Về con niêm; Về địa bộ đất của làng, đất của kẻ vắng mặt; Về việc xử đoán; Qui điều các khoản về quyền phép theo việc hộ An Nam nói về người và tài vật; Về việc thi hành án tòa; Về bộ đời; Về đất của nhà nước bán, đất không có bằng khoán hội phái viên phân giải hạng, các thứ trồng tria nhà nước dạy trồng; Về thuế ngoại ngạch; Về việc dạy dỗ chung; Về lính tập; Về việc đăng lâm; Về phép sắm khí giới; Về việc tuần phòng trong làng; Về sự làm loạn; Việc tuyển cử, hội đồng địa hạt; Về sự tới ngụ và sự thiên cư; Về việc canh nông, việc nuôi súc vật, việc thương mãi; Thẻ lệ dùng mà trừ các bệnh; Thẻ lệ chung.*



Người đọc có thể tìm thấy những thông tin phản ánh lịch sử, xã hội của làng xã Nam Bộ xưa. Như việc xếp hạng các cai tổng, phó tổng với số lượng, bậc lương. Bàn hội tề hay ban hội tề (hội đồng kỳ mục) gồm hương cả, hương chủ, hương sư, hương trưởng, hương chánh, hương giáo, hương quản, hương bộ (thủ bộ), hương thân, thôn trưởng, hương hào.

Sách có những số liệu thống kê cụ thể: số lính phải nhập ngũ / số dân ở mỗi tỉnh, kích cỡ cây đước đốn ở mỗi loại, màu ghe và số hiệu ghe của mỗi tỉnh... Ghe tỉnh Biên Hòa “sắc đỏ chạy bìa đen”, ghe Sài Gòn “sắc đỏ”, ghe Mỹ Tho “sắc đen chạy bìa đỏ”, ghe Vĩnh Long “sắc vàng chạy bìa lông kết”, ghe Châu Đốc “sắc xanh”, ghe Hà Tiên “sắc xanh chạy bìa vàng”. Số hiệu ghe của các tham biện quy định là Sài Gòn số 1, Châu Đốc số 2, Hà Tiên số 3, Rạch Giá số 4, Trà Vinh số 5, Sa Đéc số 6, Bến Tre số 7, Long Xuyên số 8, Tân An số 9, Sóc Trăng số 10, Thủ Dầu Một số 11, Tây Ninh số 12, Biên Hòa số 13, Mỹ Tho số 14, Bà Rịa số 15, Chợ Lớn số 16, Vĩnh Long số 17, Gò Công số 18, Cần Thơ số 19, Bạc Liêu số 20.

Tuy là những văn bản pháp, nhưng những thông tin trong cuốn sách này giúp ta hiểu được những sinh hoạt xã hội về nhiều mặt của Nam Kỳ dưới thời Pháp thuộc, đã trở thành những tư liệu lịch sử có giá trị.